

UBND THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TRƯỜNG TH PHƯƠNG NAM C

Số: 237/BC-THPNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Uông Bí, ngày 29 tháng 05 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm học 2024 -2025**

I. THÔNG TIN CHUNG

- Trường Tiểu học Phương Nam C.
- Địa chỉ: Tờ 2, khu Hồng Hà, phường Phương Nam, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 0333 668 041
- Địa chỉ Gmail: clphuongnamec.ub.quangninh@moet.edu.vn.
- Cổng thông tin điện tử:
<http://uongbi.quangninh.edu.vn/thphuongnamec1/ContactUs1.aspx>
- Loại hình: Trường công lập
- Sứ mệnh: Xây dựng môi trường học tập tốt, phù hợp với xu thế phát triển, có chất lượng giáo dục cao, tạo cơ hội cho mọi học sinh được phát triển toàn diện theo các định hướng sau:
 - + Khởi nguồn tri thức
 - + Thiết lập giá trị
 - + Kiến tạo trải nghiệm
 - + Dẫn lối thành công
- Tầm nhìn: Xây dựng một môi trường giáo dục đậm chất nhân vật, là nơi để mọi học sinh đều được học tập, được vui chơi, được trải nghiệm và yêu thương.
- Giá trị cốt lõi:
 - + Cởi mở
 - + Cân bằng
 - + Trách nhiệm
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

Trường Tiểu học Phương Nam C được thành lập ngày 13/8/2014 trên cơ sở tách ra từ trường Tiểu học Phương Nam B theo Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 13/08/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí. Khi mới thành lập, nhà trường chỉ có 10 phòng học đủ cho 10 lớp và 02 phòng chờ của giáo viên. Các hạng mục cơ sở vật chất cần thiết của trường chưa có như: Tường rào, cổng, nhà vệ sinh cho học sinh, nhà bảo vệ, nhà để xe, hệ thống điện thấp sáng, hệ thống nước sạch, nhà hiệu bộ, nhà đa năng đều thiếu.

Trải qua 10 năm xây dựng và trưởng thành, nhà trường đã có đủ cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giáo dục. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường tâm huyết, cha mẹ học sinh đồng thuận, học sinh chăm ngoan. Quy mô trường lớp ngày càng được mở rộng, đổi mới phát triển lớn mạnh, chất lượng dạy học đạt kết quả tốt. Tháng 8 năm 2021 nhà trường được công nhận đạt kiểm định chất lượng mức độ 3 và Chuẩn Quốc gia mức độ II năm 2021.

- Hiệu trưởng: Hoàng Thị Phương Lan. SĐT: 0983.466.726

Địa chỉ gmail: hoangthiphuonglan.clphuongnamc@quangninh.edu.vn

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	20	0	1	16	2	1	0	13	5	0	0
I	Giáo viên	16			14	2			11	5	0	0
	Trong đó số giáo viên tiểu học	12			9	1			9	3		
1	Tiếng dân tộc											
2	Ngoại ngữ	1			1				1			
3	Tin học											
4	Âm nhạc	1			1					1		
5	Mỹ thuật	1				1				1		
6	GDTC/Thể dục	1			1				1			
II	Cán bộ quản lý	2		1	1				2			
1	Hiệu trưởng	1		1					1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1			
III	Nhân viên	2			1		1					
1	Nhân viên kế toán + hành chính	1			1							
2	Nhân viên y tế + thủ quỹ	0										
3	Nhân viên thư viện + thiết bị	1					1					

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:

- Xếp loại chuẩn nghề nghiệp GV:

+ Tốt: $11/16 = 68,8\%$

+ Khá: $5/16 = 31,2\%$

- Xếp loại chuẩn HT, PHT:

+ Tốt: $2/2 = 100\%$

+ Khá: $0 = 0\%$

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 18/18 (100%). Trong đó BGH: 2; GV: 16.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	10/10 lớp	1,32 m2/hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	10	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ, mượn		
III	Số điểm trường lẻ	0	
IV	Tổng diện tích đất (m2)	6792.1	21,4 m2/hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m2)	2300	7,26 m2/hs
VI	Tổng diện tích các phòng (m2)		
1	Diện tích phòng học (m2)	471	3 phòng to + 7 nhỏ
2	Diện tích thư viện (m2)	52	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m2)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m2)	45	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m2)	45	
6	Diện tích phòng học tin học (m2)	52	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)	26	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật hòa nhập (m2)	17	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m2)	26	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (ĐVT: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	2	
1.2	Khối lớp 2	2	
1.3	Khối lớp 3	2	
1.4	Khối lớp 4	2	
1.5	Khối lớp 5	2	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1		

2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	1	
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (ĐVT: bộ)	12	27 hs /bộ máy
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	0	
2	Cát xét		
3	Đầu video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Máy photocopy	0	
6	Loa vi tính	0	
7	Bảng tương tác	0	
8	Điều hòa nhiệt độ	0	
9	Đàn organ	1	
10	Đàn piano điện tử	0	

	Nội dung	Số lượng (m2)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m2)		Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ	
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	4	187	150	1,25 m2	
XIII	Khu nội trú					

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m2/học sinh	
			Chung	Nam/nữ	Chung	Nam/nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh *	3		2		0,06
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện(lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối Internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử(website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Huy động toàn bộ nhân lực, vật lực để thực hiện các công tác chuẩn bị, tự đánh giá chu kỳ 2021-2026. Trên cơ sở nhà trường đã được công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ II năm 2021 và thực hiện tự đánh giá chuẩn bị cho chu kỳ tiếp theo, thường xuyên chăm lo, nâng cao chất lượng giáo dục, phấn đấu hoàn thành tốt các chỉ tiêu thi đua toàn diện trong năm học, xây dựng tốt nền nếp, cảnh quan.

- Cải tạo, sửa chữa dãy nhà học 02 tầng cũ (nền phòng học, cửa, lan can...). Hiện tại đã được xây mới dãy nhà vệ sinh 2 tầng khang trang sạch sẽ và đã đưa vào sử dụng. Nhà trường cải tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có đầy đủ thiết bị dạy học theo Danh mục thiết bị tối thiểu được bảo quản tốt; bố trí các phòng học bộ môn để học sinh tăng cường thực hành các môn Âm nhạc, Tiếng Anh, Tin học.

- Khuôn viên trường luôn sạch đẹp, hệ thống khu vui chơi nhà trường được sử dụng hiệu quả, bồn hoa cây cảnh trên sân trường đảm bảo tiêu chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp”.

c) *Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện*

- Một số máy tính, máy chiếu đã cũ khó tìm các thiết bị thay thế khi xảy ra hỏng hóc; 01 phòng học Tin học và Tiếng Anh hiện chưa được trang cấp các thiết bị phục vụ cho việc dạy và học.

d) *Giải pháp khắc phục*

- Tiếp tục chỉ đạo sử dụng có hiệu quả khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị.

- Tăng cường huy động xã hội hoá giáo dục để trang bị thêm thiết bị, phương tiện, máy móc hiện đại cho các phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị. Tiếp tục đề xuất với cấp trên trang cấp cho phòng Tin học và phòng Tiếng Anh.

- Hợp đồng với cơ sở sửa chữa máy tính uy tín để sửa chữa các thiết bị, máy tính trong nhà trường kịp thời.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Kết quả tuyển sinh: 80/70 (114%)
- Số học sinh chuyển đến năm học 2024 - 2025: 1
- Số học sinh chuyển đi 2024 - 2025: 2
- Số lượng học sinh nữ: 168
- Số lượng học sinh khuyết tật: 13
- Số lượng học sinh là dân tộc thiểu số: 03

- **Đánh giá chất lượng giáo dục:**

Năm học	Tổng số HS	ĐG các môn và HDGD		Năng lực		Phẩm chất		Bài KT	
		HTT hoặc HT	Tỷ lệ %	Tốt hoặc Đạt	Tỷ lệ %	Tốt hoặc Đạt	Tỷ lệ %	HTT hoặc HT	Tỷ lệ %

2024-2025	334	334	100	334	100	334	100	334	100
-----------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

- Khen thưởng:

Năm	Tổng số HS	Học sinh hoàn thành Xuất sắc các nội dung về học tập và rèn luyện	Tỷ lệ %	Học sinh tiêu biểu Hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	Tỷ lệ %	HS được khen cấp thành phố
2024- 2025	334	73	21,9	99	29,6	5

- Hoàn thành chương trình:

Năm	Tổng số HS	Hoàn thành chương trình lớp học	Tỷ lệ %	Hoàn thành chương trình tiểu học	Tỷ lệ %
2024-2025	334	334	100	70	100

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Dự toán giao đầu năm 2025: 4.665.541.000đ

Gồm: - Nguồn kinh phí tự chủ: 3.407.161.000 đ

- Nguồn kinh phí không tự chủ: 425.700.000 đ

2. Cấp bổ sung quỹ lương kinh phí tự chủ: 104.146.000 đ

3. Dự toán cấp bổ sung kinh phí KTC: 50.000.000 đ

4. Kinh phí sử dụng đến ngày 30/5/2025: 2.225.801.553 đ

4.1. Nguồn kinh phí không tự chủ: 139.441.584 đ

Gồm: - Trợ cấp ưu đãi học tập cho học sinh: 10.500.000 đ

- Chế độ cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật: 111.313.584 đ

- Chi phí thuê mướn bảo vệ, vệ sinh : 14.880.000 đ

- Chi khác: 2.748.000 đ

4.2. Nguồn kinh phí tự chủ

Tổng số đã chi: **2.086.359.969 đ**. Chi cụ thể gồm:

1	Tiền lương	944.304.273
2	Phụ cấp lương	492.180.753
3	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)	258.572.853
4	Thanh toán dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, vệ sinh môi trường)	16.562.508
5	Thông tin tuyên truyền liên lạc (mạng, báo)	4.246.000
6	Công tác phí	2.200.000

7	Chi phí thuê mướn bảo vệ, vệ sinh	74.400.000
8	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ chuyên môn	6.020.600
9	Vật tư văn phòng, dụng cụ văn phòng	49.464.000
10	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân (gv dạy thể dục)	9.453.600
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	192.205.000
12	Chi phí mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin	490.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Tổ chức dạy các môn Ngoại ngữ 1

a) Công tác chỉ đạo

- Tiếp tục dạy học tiếng Anh cho học sinh lớp 3, 4, 5 theo Quyết định 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đảm bảo học sinh được học 4 tiết/tuần.

- Tổ chức các hoạt động giao lưu và xây dựng môi trường giao tiếp tiếng Anh: 01 câu lạc bộ Tiếng Anh, tham gia học sinh năng khiếu Toán- Tiếng Việt- Tiếng Anh cấp tiểu học cấp Thành phố.

b) Kết quả thực hiện

- Đối với lớp 3, 4, 5 học sinh được học tiếng Anh: 205 học sinh đạt 100%.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện

Nhà trường có 01 đồng chí giáo viên Tiếng Anh biên chế nên rất khó khăn trong quá trình trao đổi chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Giải pháp khắc phục

- Tạo điều kiện cho giáo viên Tiếng Anh giao lưu chia sẻ, học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn. Tăng cường tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm tạo môi trường giao tiếp, thực hành tiếng Anh cho học sinh thiết thực, hiệu quả.

- Khuyến khích giáo viên, học sinh tham gia cuộc thi, IOE, Vioedu. Quan tâm, dành thời gian hợp lý hướng dẫn học sinh tự học tiếng Anh (trên internet, qua truyện, sách báo, tạp chí tiếng Anh) và các hoạt động giáo dục của câu lạc bộ Tiếng Anh.

2. Tổ chức dạy học Tin học

a) Công tác chỉ đạo

- Thực hiện dạy học môn Tin học với thời lượng 01 tiết/tuần cho học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, phục vụ cho công tác dạy và học Tin học. Sử dụng triệt để các thiết bị giảng dạy đã được trang cấp.

b) Kết quả đạt được

- Đối với lớp 1, 2 nhà trường không tổ chức dạy Tin học.

- Đối với lớp 3, 4, 5 học sinh được học Tin học: 205 học sinh đạt 100%.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện

Nhà trường chưa có giáo viên có chứng chỉ dạy Tin học lớp 3, lớp 4, lớp 5 và hiện tại phòng Tin học chưa được cấp trang thiết bị phục vụ cho việc dạy Tin học 3, lớp 4 theo chương trình GDPT 2018.

d) Giải pháp khắc phục

Để đảm bảo việc dạy Tin học 3, 4, 5 theo chương trình GDPT 2018 nhà trường đã phân công đồng chí phân công đồng chí Hà Thị Ngọc Lan giáo viên văn hóa Tiểu học dạy. Đồng chí là giáo viên kiêm nhiệm Quản trị CNTT của nhà trường, tự học và tham khảo trên Internet,... chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp.

3. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

a) Công tác chỉ đạo

- Xây dựng kế hoạch lồng ghép, tích hợp thực hiện nội dung giáo dục địa phương đối với các khối lớp.
- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn, bồi dưỡng đội ngũ về thực hiện chương trình GDPT 2018 trong đó có tích hợp nội dung giáo dục địa phương.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá, rút kinh nghiệm việc triển khai thực hiện nội dung giáo dục địa phương.

b) Kết quả thực hiện

- Căn cứ vào kế hoạch của nhà trường, giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học lồng ghép nội dung giáo dục địa phương vào kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh lớp mình giảng dạy.
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập nội dung giáo dục địa phương theo hướng tăng cường rèn luyện cho học sinh phương pháp tự học, tự nghiên cứu tài liệu để tiếp nhận và vận dụng kiến thức thông qua giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

- Việc rà soát nội dung lồng ghép tài liệu giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, việc trao đổi chuyên môn khi dạy lồng ghép tài liệu giáo dục địa phương vào bài học còn gặp khó khăn.
- Tài liệu dạy học giáo dục địa phương chỉ là bản PDF chưa có sách cho học sinh nên khi giáo viên giảng dạy gặp rất nhiều khó khăn.

d) Giải pháp khắc phục

- Tạo điều kiện cho CBQL và giáo viên giảng dạy các khối lớp tham gia đầy đủ các buổi tập huấn và chuyên đề các cấp. Tích cực tham lớp dự giờ các giáo viên cùng dạy tài liệu GDĐP lớp 1, 2, 3, 4, 5 và dự giờ giáo viên các trường trong thành phố. Thường xuyên trao đổi khó khăn vướng mắc trong các buổi họp chuyên môn, các tiết đổi mới SHCM.
- Về tài liệu nhà trường đã chỉ đạo giáo viên và học sinh sử dụng tài liệu PDF và cho học sinh quan sát tranh ảnh, video... thông qua máy chiếu, các ứng dụng CNTT để dạy và học.

4. Triển khai giáo dục STEM

a) Công tác chỉ đạo

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện về giáo dục STEM bổ sung vào Kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM.
- Tổ chức cho 100% cán bộ quản lý, giáo viên nhà trường được tham gia tập huấn về tổ chức giáo dục STEM cấp Tiểu học.
- Kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện giáo dục STEM của tổ chuyên môn, các lớp.

b) Kết quả thực hiện

- Giáo viên đã xây dựng và giảng dạy 02 chủ đề/học kì/lớp.
- Tổ chức tốt chuyên đề dạy bài học STEM.

c) Khó khăn vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện

Nội dung giáo dục STEM là nội dung được triển khai từ nhiều năm nay, tuy nhiên việc trao đổi chuyên môn, kinh nghiệm khi dạy nội dung giáo dục STEM còn gặp một số khó khăn.

d) Giải pháp khắc phục

Tạo điều kiện cho CBQL và giáo viên giảng dạy nội dung giáo dục STEM được tham gia đầy đủ các buổi tập huấn và chuyên đề các cấp. Tích cực thăm lớp dự giờ các giáo viên trong nhà trường và dự giờ các trường trong thành phố. Thường xuyên trao đổi khó khăn vướng mắc trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, các tiết đổi mới SHCM./.



HỘI TRƯỞNG

Hoàng Thị Phương Lan